TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Oai

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Kp 2, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang;

2. Bị đơn: Bà Danh Thị B, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp BT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc N trình bày và yêu cầu như sau*:

Ông và bà Danh Thị B chung sống với nhau vào năm 1983, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông và bà Danh Thị B có 02 người con chung tên: Nguyễn

Cẩm H, sinh ngày 15/02/1990 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 12/10/1995, hiện nay các con đã trưởng thành; về tài sản chung, ông và bà Danh Thị B không có tài sản chung và không tranh chấp; về nợ, ông và bà Danh Thị B không có nợ người khác, người khác không nợ ông bà. Quá trình chung sống ông và bà Danh Thị B sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, đến năm 2012 ông và bà Danh Thị B sống ly thân với nhau cho đến nay. Ông thấy ông và bà Danh Thị B không còn tình cảm vợ chồng nữa, ông yêu cầu ly hôn với bà Danh Thị B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết, vì các con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ không có, ông không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn bà Danh Thị B*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Danh Thị B biết về việc ông Nguyễn Quốc N yêu cầu được ly hôn với bà nhưng bà Danh Thị B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Quốc N nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Nguyễn Quốc N và sổ hộ khẩu (Bản sao); 03 Giấy chứng minh nhân dân tên Danh Thị B, Nguyễn Quốc C và Nguyễn Cẩm H (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú ngày 19 tháng 12 năm 2022 của ông Nguyễn Quốc N (Bản chính); Đơn xin xác nhận vợ chồng ngày 19 tháng 12 năm 2022 của ông Nguyễn Quốc N (Bản chính).

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc N yêu cầu được ly hôn với bà Danh Thị B. Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ, ông không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Danh Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc N yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Danh Thị B. Bị đơn nơi cư trú tại: ấp BT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Danh Thị B biết và ấn định thời gian để bà có ý kiến về việc ông Nguyễn Quốc N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà nhưng bà không

có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Danh Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Danh Thị B nhưng bà vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Quốc N không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Danh Thị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Quốc N và bà Danh Thị B chung sống với nhau vào năm 1983 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống ông Nguyễn Quốc N và bà Danh Thị B đã sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Như vậy, được xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Quốc N và bà Danh Thị B là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Xét khởi kiện của ông Nguyễn Quốc N được ly hôn với bà Danh Thị B. Thời gian ông và bà Danh Thị B sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, đến năm 2012 ông và bà Danh Thị B sống ly thân với nhau cho đến nay. Ông thấy, ông và bà Danh Thị B không còn tình cảm vợ chồng nữa, ông yêu cầu ly hôn với bà Danh Thị B nhưng bà Danh Thị B không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc ông Nguyễn Quốc N yêu cầu ly hôn với bà là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà ông bà không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Quốc N cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà Danh Thị B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc N, cho ông Nguyễn Quốc N được ly hôn với bà Danh Thị B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, ông Nguyễn Quốc N và bà Danh Thị B chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Nguyễn Cẩm H, sinh ngày 15/02/1990 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 12/10/1995 hiện nay đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Ông Nguyễn Quốc N không có yêu cầu phân chia tài sản chung, tự xác định không có tranh chấp, ông cam kết không có nợ người

khác và người khác không có nợ ông bà, ông không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Quốc N được ly hôn với bà Danh Thị B.

2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Quốc N và bà Danh Thị B chung sống với nhau có 02 người con chung tên: Nguyễn Cẩm H, sinh ngày 15/02/1990 và Nguyễn Quốc C, sinh ngày 12/10/1995 hiện nay đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Ông Nguyễn Quốc N không có yêu cầu phân chia tài sản chung, tự xác định không có tranh chấp, ông cam kết không có nợ người khác và người khác không có nợ ông bà, ông không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003843 ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Ông Nguyễn Quốc N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22/5/2023. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND thị trấn Thứ Ba;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

Trần Văn Thảo